

QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - THÁI LAN MỘT SỐ THÀNH TỰU (1991-2016)

TS TRẦN NHƯ HIỀN

Trưởng Đại học Sư phạm Huế - Đại học Huế

Tóm tắt: Việt Nam chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Thái Lan ngày 6-8-1976, dẫn được củng cố và phát triển từ năm 1991. Đặc biệt, từ sau khi Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN (1995), quan hệ giữa Việt Nam - Thái Lan phát triển nhanh chóng trên nhiều lĩnh vực, bước sang giai đoạn mới về chất và đi vào chiều sâu. Với sự chuyển hướng từ chính trị sang kinh tế và coi hoạt động đối ngoại là trọng tâm, Việt Nam đã nhìn nhận Thái Lan là một nước có nhiều tiềm năng có thể hợp tác và phát triển, nhất là trên lĩnh vực kinh tế thương mại. Do đó, việc tăng cường và mở rộng quan hệ với Thái Lan là hướng ưu tiên quan trọng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Từ khóa: Quan hệ Việt Nam - Thái Lan; chính sách kinh tế; kinh tế thương mại

1. Sự điều chỉnh chính sách kinh tế đối ngoại của Việt Nam

Sau năm 1975, bối cảnh quốc tế và khu vực có nhiều thuận lợi hơn cho việc bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Thái Lan. Việt Nam vừa bước ra khỏi cuộc chiến tranh, mong muốn cải thiện quan hệ quốc tế để tiến tới sự hợp tác đa phương nhằm khôi phục và phát triển đất nước. Trong khi đó, Thái Lan thực hiện một chính sách ngoại giao hết sức năng động, giữ vững các cam kết đối với quốc tế, khu vực và các nước láng giềng, trong đó ưu tiên phục vụ ổn định tình hình chính trị, kinh tế trong nước, khôi phục hình ảnh và uy tín của Thái Lan trước cộng đồng quốc tế.

Chiến tranh Lạnh kết thúc, xu thế đổi đầu chuyển dần chuyển sang đối thoại. Toàn cầu hóa bắt đầu tác động lớn tới mọi quốc gia, buộc các

nước phải mở rộng thị trường, phát triển kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế thế giới, thúc đẩy hợp tác, nâng cao tính cạnh tranh. Để thích ứng xu thế phát triển của thế giới và khu vực Đông Nam Á, Việt Nam và Thái Lan phải cùng nhau hợp tác, phát triển.

Trước sự thay đổi to lớn của tình hình quốc tế, trước các yêu cầu mới của công cuộc phát triển kinh tế-xã hội trong nước, chính sách đối ngoại của Việt Nam có những điều chỉnh khá căn bản. Trong đó, chính sách đối với Đông Nam Á nói chung và Thái Lan nói riêng đã chiếm một vị trí ưu tiên và có tầm quan trọng trong hệ thống quan hệ đối ngoại của Việt Nam. Tháng 6-1991, Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam ra tuyên bố quan trọng, đánh dấu sự điều chỉnh cơ bản trong chính sách đối ngoại: “Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong

cộng đồng thế giới phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”; “phát triển quan hệ hữu nghị với các nước Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, phấn đấu cho một Đông Nam Á hoà bình, hữu nghị và phát triển”⁷¹.

Điều 14, *Hiến pháp* năm 1992 khẳng định: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chính sách hòa bình, hữu nghị, mở rộng giao lưu và hợp tác với tất cả các nước trên thế giới...; tăng cường tình đoàn kết hữu nghị và quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng; tích cực ủng hộ và góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”⁷². Công tác đối ngoại thể hiện trong *Hiến pháp* 1992 là bước tiến quan trọng trong lịch sử lập hiến của Việt Nam.

Tranh thủ điều kiện quốc tế và khu vực có nhiều chuyển biến thuận lợi, Đảng chủ trương đẩy mạnh quan hệ Việt Nam - ASEAN lên một bước mới. Ngày 28-7-1995, tại Thủ đô Banda Seri Begaoan (Brunây), Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao ASEAN lần thứ 28 đã tuyên bố chính thức kết nạp Việt Nam làm thành viên chính thức thứ bảy của ASEAN. Việc đẩy mạnh hợp tác với các nước láng giềng và Hiệp hội ASEAN đưa quan hệ của Việt Nam với các nước trong khu vực bước sang một chương mới, đặc biệt với Thái Lan.

Đại hội VIII (6-1996) của Đảng nêu rõ: “tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài”⁷³; mở rộng hoạt động kinh tế đối ngoại, “xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả”⁷⁴. “Điều chỉnh cơ cấu thị trường để vừa hội nhập toàn cầu, xử lý đúng đắn lợi ích giữa ta và các đối tác. Chủ động tham gia cộng đồng thương mại thế giới, các diễn đàn, các tổ chức, các định chế quốc tế một cách có chọn lọc, với bước đi thích hợp”⁷⁵. Đại hội xác định rõ hơn quan điểm đối ngoại với các nhóm đối tác như: Tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong tổ

chức ASEAN; không ngừng củng cố quan hệ với các nước bạn bè truyền thống; coi trọng quan hệ với các nước phát triển và các trung tâm kinh tế - chính trị thế giới; đoàn kết với các nước đang phát triển, với phong trào không liên kết; tham gia tích cực và đóng góp cho hoạt động của các tổ chức quốc tế, các diễn đàn quốc tế⁶.

Đại hội IX (2001) của Đảng đã phát triển phương châm của Đại hội VII, đưa vị thế Việt Nam lên một tầm cao mới: “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”⁷⁷. Đại hội nhấn mạnh định hướng đối ngoại “Nâng cao hiệu quả và chất lượng hợp tác với các nước ASEAN, cùng xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hoà bình, không có vũ khí hạt nhân, ổn định hợp tác cùng phát triển”⁷⁸. Chủ trương xây dựng quan hệ đối tác được Đại hội IX đề ra đã đánh dấu bước phát triển về chất trong quan hệ quốc tế của Việt Nam thời kỳ Đổi mới. Tại Đại hội IX, lần đầu tiên Đảng đề ra chủ trương xây dựng quan hệ đối tác với mô hình hợp tác ở mức độ cao và quan trọng hơn, làm cơ sở cho việc tăng cường và làm sâu sắc hơn quan hệ với Thái Lan và các nước trong khu vực Đông Nam Á, đưa quan hệ đi vào chiều sâu, nâng cao hiệu quả và chất lượng hợp tác.

Trước thực tiễn đổi mới của quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, Đại hội X (2006) của Đảng tiếp tục bổ sung, làm rõ chính sách đối ngoại đổi mới. Đại hội khẳng định quan điểm: “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực. Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững...”⁷⁹.

Đại hội XI (2011) của Đảng đánh dấu bước phát triển mới trong chủ trương hội nhập quốc tế

với sự khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh”¹⁰; đồng thời chỉ rõ: “Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, vẫn sẽ là khu vực phát triển năng động nhưng còn tồn tại nhiều nhân tố gây mất ổn định; tranh chấp lãnh thổ, biển đảo ngày càng gay gắt. Xuất hiện các hình thức tập hợp lực lượng và đan xen lợi ích mới”¹¹.

Trên cơ sở những thành tựu hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* và các văn kiện Đại hội XI của Đảng đều khẳng định rõ quan điểm: “Chủ động tích cực và hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; tạo môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước”¹². Nội hàm này thể hiện bước trưởng thành của ngoại giao Việt Nam với sự tham gia ngày càng tích cực, chủ động có trách nhiệm của Việt Nam đối với Thái Lan và tất cả các nước trong cộng đồng ASEAN và các nước trên thế giới, góp phần củng cố, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, bổ sung, hỗ trợ hiệu quả cho ngoại giao song phương.

Điều 12, *Hiến pháp* năm 2013: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và

thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”¹³. Công tác đối ngoại thể hiện trong *Hiến pháp* 2013 là bước tiến quan trọng trong lịch sử lập hiến của Việt Nam.

Đại hội XII (2016) của Đảng tiếp tục nêu quan điểm củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược, trong đó có Thái Lan; khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm tối đa những thách thức, rủi ro. Việt Nam chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước đến năm 2020. Mục tiêu, nhiệm vụ đối ngoại của Đảng luôn “đảm bảo lợi ích tối cao của quốc gia-dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển... Trên cơ sở vừa hợp tác vừa đấu tranh, hoạt động đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững hoà bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước”¹⁴.

Sự phát triển của đường lối đối ngoại của Đảng đối với khu vực, đặc biệt là với Thái Lan thể hiện quá trình nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, thể hiện tầm nhìn chiến lược đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

2. Một số kết quả đạt được

Về hoạt động thương mại

Do tính tương đồng về cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của hai nước cho nên các mặt hàng của Việt Nam nói chung và nông sản nói riêng khó thâm nhập vào thị trường Thái Lan. Những mặt hàng chính Việt Nam xuất khẩu sang Thái Lan gồm: linh kiện vi tính, dầu thô, hải sản, than đá và nhiều mặt hàng khác như hàng điện tử, lạc nhân, sản phẩm nhựa, máy móc và thiết bị điện, mỹ phẩm, sản phẩm sắt thép, da thuộc... Việt Nam nhập khẩu

của Thái Lan: xăng, xe máy, hàng tiêu dùng, hàng điện tử, dụng cụ thể thao, các nguyên liệu đầu vào cho các ngành công nghiệp: dệt may, sắt thép, chế biến gỗ...

Theo số liệu thống kê của Trung tâm Công nghệ Thông tin, Bộ Thương mại Thái Lan, từ năm 1995 đến năm 2000, xuất khẩu từ Thái Lan sang Việt Nam liên tục tăng từ 470,48 triệu USD lên 847,37 triệu USD; xuất khẩu từ Việt Nam sang Thái Lan tăng từ 43,06 triệu USD lên 345,07 triệu USD. Đến năm 2000, quan hệ thương mại giữa hai nước đã đạt đến gần 1,2 tỷ USD¹⁵. Từ năm 1995, Thái Lan luôn là bạn hàng lớn thứ hai của Việt Nam trong ASEAN.

Sang thế kỷ XXI, quan hệ thương mại và đầu tư của Thái Lan - Việt Nam không ngừng phát triển cả về bề rộng lẫn chiều sâu. Nhiều chuyến thăm và ký kết văn bản hợp tác là dịp để các nhà lãnh đạo cấp cao hai nước thảo luận những vấn đề nhằm thúc đẩy hơn nữa quan hệ trên cả phương diện song phương và đa phương.

Từ năm 2001 đến năm 2011, giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu giữa hai nước đạt kết quả khá cao. Thái Lan nhập khẩu từ Việt Nam khoảng 20 mặt hàng với giá trị khoảng 388.9 triệu USD. Năm 2002, quan hệ thương mại Việt Nam - Thái Lan đạt 1,18 tỷ USD, năm 2003 đạt 1,6 tỷ USD và tăng mạnh vào năm 2004 đạt 2,3 tỷ USD¹⁶. Tổng kim ngạch buôn bán giữa hai nước năm 1996 đạt 646,73 triệu USD, năm 2000 đạt 1.179,45 triệu USD, tăng gần gấp hai lần, trong đó xuất khẩu của Việt Nam sang Thái Lan năm 1996 đạt 62,52 triệu USD, năm 2000 đạt 345,07 triệu USD, tăng gần 6 lần. Tổng kim ngạch buôn bán song phương năm 2008 (đạt 6.468,25 triệu USD) so với năm 1996 (đạt 646,73 triệu USD) tăng gần 10 lần, trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Thái Lan tăng hơn 20 lần (năm 1996 đạt 62,52 triệu USD, năm 2008 đạt 1.450,45 triệu USD)¹⁷.

Kim ngạch thương mại hai nước trong năm 2008 (đạt hơn 6,4 tỷ USD) tăng 31% so với năm 2007 (đạt hơn 4,9 tỷ USD). Năm 2009, do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, tổng kim ngạch của hai nước giảm mạnh, chỉ đạt 5,74 tỷ USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Thái Lan đạt 1,226 tỷ USD còn lại là Việt Nam nhập khẩu từ Thái Lan (nhập 4,514 tỷ USD) và năm 2010, trong vòng 11 tháng, tổng kim ngạch thương mại của hai nước đạt 6,06 tỷ USD (trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Thái Lan đạt 1,07 tỷ USD)¹⁸.

Việt Nam và Thái Lan đã thỏa thuận giảm thuế 92% các mặt hàng sản xuất, nhập khẩu giữa hai nước. Đây là cơ hội để doanh nghiệp hai nước thúc đẩy hơn nữa các hoạt động thương mại và tận dụng lợi thế so sánh trong quyết định kinh doanh của mình. Do đó, từ năm 2008 đến 2016 cho ta thấy quan hệ thương mại giữa hai nước không ngừng gia tăng: từ gần 5,8 tỷ USD (năm 2009) tăng lên 9,41 tỷ USD (năm 2013). Đến năm 2015, kim ngạch xuất, nhập khẩu hai chiều đạt 11,5 tỷ USD (tăng 8,6% so với năm 2014); năm 2016, đạt gần 12,5 tỷ USD tăng 8,98% so với năm 2015¹⁹. Tuy nhiên, xuất khẩu của Việt Nam sang Thái Lan vẫn còn thấp, chỉ đạt gần 30% tổng kim ngạch. Hai bên đặt mục tiêu nâng kim ngạch thương mại hai chiều lên mức 20 tỷ USD vào năm 2020.

Quan hệ kinh tế thương mại giữa Việt Nam-Thái Lan tăng trưởng nhanh, trước hết là do tác động tích cực của chính sách mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Nhiều mặt hàng của Việt Nam xuất khẩu sang Thái Lan cho dù nước này vẫn sản xuất được; các doanh nghiệp Việt Nam đã có những thay đổi quan trọng trong hoạt động tìm kiếm thị trường; vai trò của các cơ quan nhà nước hữu quan đã hỗ trợ tháo gỡ khó khăn trong chính sách và hỗ trợ xúc tiến xuất khẩu của

hai nước. Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam (FDI) đã tạo ra môi trường hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài nói chung và Thái Lan nói riêng.

Về hợp tác đầu tư trực tiếp (FDI)

Thái Lan là một trong những quốc gia sớm có quan hệ hợp tác đầu tư với Việt Nam (từ năm 1992), có thể chia thành các giai đoạn như sau:

Từ năm 1992 đến năm 1993, thu hút FDI từ Thái Lan vào Việt Nam còn khiêm tốn, đạt 7 dự án với tổng vốn đầu tư đạt 52,77 triệu USD.

Từ năm 1994 đến năm 1996, có sự bứt phá về các dự án FDI từ các nước ASEAN (do năm 1995 Việt Nam trở thành thành viên của ASEAN) và đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trong tổng vốn đầu tư từ các nước ASEAN đạt khoảng 6,2 tỷ USD, Thái Lan đã có đến 30 dự án đầu tư với tổng vốn đầu tư đạt 579,9 triệu USD.

Giai đoạn từ năm 1997 đến năm 2005. Năm 1997 cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu nổ ra ở Thái Lan và đã có ảnh hưởng đến các nước trong khu vực, trong đó ảnh hưởng khá nặng nề tới tình hình thu hút FDI của các nước ASEAN nói chung và của Thái Lan vào Việt Nam nói riêng. Trong khoảng thời gian này, Việt Nam chỉ thu hút được 72 dự án FDI của Thái Lan, với tổng vốn đầu tư đăng ký 426,97 triệu USD. Giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2005, tình hình thu hút FDI từ Thái Lan đã khá quan hơn song vẫn thấp so với giai đoạn trước.

Từ năm 2006 đến năm 2008 là giai đoạn đỉnh cao của FDI tại Việt Nam. Trong giai đoạn này, nếu như các nước ASEAN đầu tư vào Việt Nam với tổng vốn đầu tư đạt 23,3 tỷ USD, riêng Thái Lan đầu tư gần 5 tỷ USD, đạt mức cao nhất từ trước đến nay.

Từ năm 2009 đến năm 2016, khủng hoảng tài chính Hoa Kỳ đã ảnh hưởng tới nền kinh tế

thế giới cũng như tình hình thu hút FDI của Việt Nam. Năm 2009, đầu tư của Thái Lan vào Việt Nam giảm mạnh chỉ còn 26 dự án, với tổng vốn đầu tư khoảng 90 triệu USD (bằng 2% so với cùng kỳ năm 2008). Năm 2010, có 26 dự án và 326 triệu USD tổng vốn đầu tư. Từ năm 2013, với nhiều biện pháp cải thiện môi trường đầu tư nên tình hình thu hút FDI của Việt Nam khá quan hơn. Năm 2013, thu hút FDI từ Thái Lan với 47 dự án đạt 597 triệu USD tổng vốn đầu tư. Tuy chưa đạt được như các năm 2007-2008, nhưng kết quả thu hút FDI tương đối ổn định với nhiều dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo.

Ngoài ra, quan hệ Việt Nam - Thái Lan còn mở rộng ra các lĩnh vực khác với những nhiều hình thức như: Thái Lan viện trợ cho Việt Nam 150 triệu бат để hỗ trợ kỹ thuật cho 5 dự án nông nghiệp (lần 1: 1995-1997; lần 2: 1998-2000); chương trình hợp tác kỹ thuật Việt Nam - Thái Lan (2001-2003); Thái Lan giúp đỡ Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế thông qua việc tích cực ủng hộ Việt Nam tham gia APEC, WTO và các thể chế kinh tế tài chính quốc tế khác...

Bên cạnh một số thành tựu đạt được trong quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - Thái Lan (1991-2016) còn một số hạn chế: Tỷ trọng quan hệ song phương Việt Nam-Thái Lan trong tổng quan hệ đối ngoại mỗi nước, nhất là trong lĩnh vực kinh tế còn thấp so với tiềm năng và triển vọng. Vẫn còn khoảng cách chênh lệch về trình độ khiến cho lợi ích của bên này trở thành bất lợi cho bên kia, ảnh hưởng đến tính chất hợp tác cùng có lợi trong quan hệ Việt Nam-Thái Lan. Những vấn đề tồn tại và những vấn đề mới nảy sinh, nhất là cạnh tranh kinh tế, nếu không được giải quyết đúng đắn thì có thể tạo nên bất đồng, làm giảm sự chặt chẽ trong liên kết. Những bất cập trong chính sách và luật pháp sẽ làm ảnh

hường nỗ lực phát triển quan hệ song phương. Thương mại song phương vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng kim ngạch của hai nước. Tỷ trọng kim ngạch thấp và kéo dài sẽ làm giảm sự gắn kết giữa hai nước.

Từ những kết quả đạt được trong quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - Thái Lan (1991-2016), có thể đúc rút một số kinh nghiệm như sau:

Một là, Việt Nam cần có các cơ chế, chính sách, các biện pháp nhất quán (phù hợp với cam kết quốc tế của Việt Nam trong khuôn khổ WTO, IMF) nhằm xây dựng Việt Nam thành một môi trường đầu tư sản xuất thuận lợi, một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, và phát triển hành lang Đông - Tây, hợp tác 9 tỉnh 3 nước Việt Nam - Lào - Thái Lan.

Hai là, thu hút và sử dụng FDI giữa hai nước: Tiếp tục khuyến khích thu hút doanh nghiệp Thái Lan đầu tư vào Việt Nam, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam mở rộng kinh doanh sang thị trường Thái Lan, góp phần cân bằng cán cân thương mại.

Ba là, phát triển hành lang Đông - Tây, tạo điều kiện cho các nước trong khu vực tiểu vùng sông Mêkông gồm: Lào, Thái Lan, và Việt Nam tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế nhằm thúc đẩy giao lưu thương mại, đầu tư và phát triển giữa các nước.

Bốn là, khuyến khích hàng hóa và dịch vụ của các doanh nghiệp Việt Nam xâm nhập vào thị trường Thái Lan để tham gia vào các chương trình hợp tác của ASEAN và AFTA

Năm là, tiếp tục thương lượng vì lợi ích của hai nước trong hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông nhằm bảo vệ nguồn nước, phòng ngừa ô nhiễm, tạo điều kiện hợp tác tốt nhất trong vấn đề phát triển nông nghiệp và bảo vệ môi trường sinh thái.

Sáu là, cải thiện môi trường đầu tư và chính sách pháp luật, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư Thái Lan đầu tư lâu dài tại Việt Nam.

Hiện Việt Nam và Thái Lan đang là những thành viên tích cực trong cộng đồng ASEAN. Việc kết nối những tiềm năng và lợi thế kinh tế của mỗi nước chính là cam kết để đạt mức tăng trưởng mạnh mẽ hơn trong cộng đồng kinh tế ASEAN. Điều này sẽ giúp Việt Nam và Thái Lan tiến đến gần nhau hơn trong quá trình hội nhập kinh tế trong cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, H, 1991, tr. 147

2. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1992-cong-hoa-xa-hoi-chu-nghia-Viet-nam-38238.aspx>

3, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2015, T. 55, tr. 307, 319, 305

6. Xem *Sđd*, T. 55, tr. 361; 334-335

7, 8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2016, T. 60, tr. 146, 208

9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, H, 2006, tr. 112

10, 11, 12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 235-236, 184, 138-139

13. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx>

14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, H, 2016, tr. 34-35

15, 16, 17, 18, 19. *Information and communication technology center with cooperation of the customs department* (nguồn http://www.ops3.moc.go.th/menucomen/trade_sum/report.asp).